

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày 30/10/2019

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Thanh;

Bà Phạm Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lên – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tứ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2019/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990;

- Bị đơn: Chị Trần Thị Kim L, sinh năm 1991;

Đều cùng địa chỉ: Xóm Đ, thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Q.

Các bên đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2019, bản tự khai ngày 26/6/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị Kim L tự nguyện tìm hiểu thời gian khá lâu và quyết định đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 13/3/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó ra ở riêng được 01 năm thì anh H bị bệnh nên gia đình anh đã lo tiền cho anh chữa trị nhiều nơi. Vợ chồng anh kinh tế khó khăn, chị L bắt đầu buôn bán hàng qua mạng, lúc đầu thì đi về thường xuyên, sau đó 02 đến 03 ngày mới về nhà một lần và dần dần về nhà thưa dần. Anh H đã theo dõi và biết được chị L có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Anh H vì con nên động viên, giải thích cho phía vợ biết, tha thứ cho vợ

để về sống chung với cha con anh nhưng chị L không bỏ được và bỏ cha con anh H từ tháng 5/2018 cho đến nay. Nay anh H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị Kim L để giải phóng cho đôi bên.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 16/9/2014, hiện nay cháu D đang sống với anh H. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung là không có.

Ngoài ra anh Hiệu không yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 26/6/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Trần Thị Kim L trình bày:

Chị Trần Thị Kim L thống nhất về thời gian và địa điểm kết hôn như anh H trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc anh H đối xử với chị Liên thậm tệ, anh thường xuyên đau ốm, chị là người theo chăm sóc nuôi anh trong thời gian điều trị bệnh vợ chồng lại có con nhỏ nhưng anh không biết trân trọng mà luôn hắt hủi, xem thường chị, đánh đập chị vô cớ trong khi đó chị đi làm lo cho cuộc sống gia đình. Sức chịu đựng của chị có giới hạn nên chị đã bỏ con về ở với cha mẹ để chị ở sau đó anh lên bắt con về ở với anh từ khoảng tháng 6/2018 cho đến nay. Từ ngày anh dành con, anh không cho chị gặp con, không cho chị thăm con, chặn mọi liên lạc với chị, gia đình anh tìm mọi cách không cho chị gặp con. Nay anh yêu cầu ly hôn chị thì chị đồng ý vì tình cảm vợ chồng đã sứt mẻ không hàn gắn được.

Về con chung: vợ chồng có một con chung Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 16/9/2014, cháu là con gái nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Chị L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, về nợ chung: thống nhất như anh H đã trình bày trên.

Ngoài ra chị L không trình bày gì thêm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B về nội dung vụ án như sau:

I. Việc Tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn: nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của bị đơn: bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 55, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, 189, 203, 220 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử:

Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh H và chị L.

Giao cháu Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 16/9/2014 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí dân sự: áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Nguyễn Văn H khởi kiện “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với chị Trần Thị Kim L cư trú tại Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Q, căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Q thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị Kim L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Q vào ngày vào ngày 13/3/2013. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị L là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, giữa anh H và chị L xảy ra mâu thuẫn trong cách cư xử, không tin tưởng trong tình cảm vợ chồng, hai bên có dùng những lời lẽ, hành động xúc phạm nhau và hai bên đã sống ly thân từ giữa năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian giải quyết vụ án Tòa án đã hòa giải, động viên anh chị về đoàn tụ sống chung nuôi con, anh H mong muốn chị L quay về để đoàn tụ nhưng chị L không thống nhất đoàn tụ nên anh, chị không đoàn tụ được. Tại phiên tòa, anh H vẫn mong muốn chị L quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái nhưng chị L nhất quyết không chịu trở về đoàn tụ với nhau nên anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị L. Xét thấy, tình cảm giữa anh H và chị L không còn, mâu thuẫn xảy ra

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, giữa anh H và chị L đã thuận tình ly hôn phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh H và chị L.

[3] *Về con chung*: Trong quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay anh H và chị L đều có nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên từ khi anh, chị không sống với nhau thì cháu D ở với anh H, cháu D được anh H và gia đình anh H chăm sóc chu đáo, cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Hiện nay anh H phụ giúp cha mẹ buôn bán cùng với gia đình tại địa phương, cháu D học hành và đang có cuộc sống ổn định tại xã B. Theo chứng cứ chị L cung cấp thì hiện nay chị là nhân viên cho Công ty TNHH Thương mại D có trụ sở tổ X, thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Q, có thu nhập ổn định trang trải cho cuộc sống mẹ con chị nhưng xét thấy từ lúc anh H nuôi cháu D, chị L ít thể hiện sự quan tâm, chu cấp tiền cho anh H nuôi con trong một thời gian dài (hơn một năm). Việc chị L không muốn đoàn tụ mặc dù chị không phải là nguyên đơn khởi kiện, do đó xét về mâu thuẫn vợ chồng kéo dài là do một phần ở chị L. Việc chị L cho rằng anh H không cho chị thăm con nhưng qua làm việc với UBND xã B thì không nhận bất cứ đơn yêu cầu nào của anh H, chị L về vấn đề gì liên quan đến quan hệ hôn nhân của anh, chị. Cháu D đang sống cùng anh H tại nhà cha mẹ đẻ của anh và được cha mẹ đẻ của anh cam kết hỗ trợ cho cha con anh nếu có gặp khó khăn về kinh tế (cha mẹ anh H làm nghề buôn bán dầu, nhớt có thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu D cho anh H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo sự phát triển về mặt thể chất và tinh thần cho cháu. Anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Theo lời khai của anh H và chị L, giữa vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH buộc anh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát ở trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nghĩ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị Kim L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 16/9/2014 cho anh Nguyễn Văn H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Chị Trần Thị Kim L có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết anh H, chị L có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và khi cần thiết anh H, chị L hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa anh Nguyễn Văn H và anh Trần Thị Kim L không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch (về ly hôn): Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng anh H đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002705 ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B nên được khấu trừ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H và bị đơn chị Trần Thị Kim L đều có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/10/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyệnB;
- UBND xã B
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quốc Phong

